

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 -11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiền T; ĐKKHKT: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Tạ Văn M, sinh năm 1977; ĐKKHKT: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Hiện đang cai nghiện tự nguyện tại Trường Lao động xã hội T, địa chỉ: Số 50, đường N, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có quan điểm xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Tạ Văn M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện An Dương, thành phố Hải

Phòng vào ngày 12 tháng 01 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cùng gia đình anh M. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh M nghiện ma túy, phá tán kinh tế gia đình. Mặc dù chị đã khuyên giải và gia đình cũng đã đưa anh M đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh M vẫn không cai nghiện được. Hiện tại, anh Tạ Văn M đang cai nghiện tự nguyện tại Trường Lao động xã hội T (địa chỉ: Số 50, đường N, quận H, thành phố Hải Phòng). Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn M.

Về con chung: Chị và anh Tạ Văn M có 01 con chung là Tạ Tuấn A, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2009. Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hiền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 10 năm 2019, bị đơn anh Tạ Văn M trình bày:

Anh xác định về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng như chị Nguyễn Thị Hiền T trình bày là đúng. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bản thân anh mắc nghiện ma túy nên cuộc sống vợ chồng có nhiều căng thẳng. Chị T đã bỏ đi từ năm 2012 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Hiện tại anh đang cai nghiện tự nguyện tại Trường Lao động xã hội T (địa chỉ: Số 50 đường N, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng). Nay chị Nguyễn Thị Hiền T xin ly hôn với anh, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Tạ Tuấn A, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2009. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung vẫn sống cùng anh và ông bà nội (bố mẹ đẻ anh M) ở thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng để việc sinh hoạt, học tập của con chung không bị xáo trộn. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M; giao con chung Tạ Tuấn A, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Hiền T nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Nguyễn Thị Hiền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Hiền T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Tạ Văn M. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Tạ Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn C, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn là anh Tạ Văn M vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Tạ Văn M.

- Về nội dung:

[3] Chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2009 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự; các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và anh M mắc nghiện ma túy nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét quan điểm của chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M có 01 con chung Tạ Tuấn A, sinh ngày 24/11/2009. Chị T và anh M đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng con chung là quyền và cũng là trách nhiệm chung của cha, mẹ. Tuy con chung có nguyện vọng được sống cùng bố (anh M), anh M cũng có nguyện vọng nuôi con; nhưng xét điều kiện hiện tại của anh M đang cai nghiện tại Trường Lao động xã hội T nên không có điều kiện

để chăm sóc tốt cho con chung. Chị T hiện là công nhân, có thu nhập ổn định nên cần giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hiền T nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hiền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Tạ Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung Tạ Tuấn A, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Hiền T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hiền T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004462 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị Nguyễn Thị Hiền T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Ngọc Phương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Tân Tiến;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thi

Ngô Văn Miên

Trương Minh Huế

